

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

Số: 58/NQ-HĐND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 27 tháng 7 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

**Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách
địa phương giai đoạn 2021 – 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH
KHÓA XIII KỲ HỌP THỨ 3**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm
2020 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và
định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn
2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14 tháng 9 năm 2020 của
Thủ tướng Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Nghị quyết số
973/2020/UBTVQH14 ngày 08 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban thường vụ Quốc
hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công
nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Nghị quyết số 07/2021/NQ-HĐND ngày 15 tháng 6 năm 2021 của
Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025 trên
địa bàn tỉnh Bình Định;*

*Xét Tờ trình số 78/TTr-UBND ngày 22 tháng 7 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa
phương giai đoạn 2021-2025; Báo cáo thẩm tra số 57/BC-KTNS ngày 23 tháng
7 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo
luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Nhất trí thông qua Phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 như sau:

* Tổng nguồn kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025 là 26.469.146 triệu đồng, bao gồm:

- Vốn Đầu tư tập trung: 3.141.300 triệu đồng.
- Vốn Xổ số kiến thiết: 600.000 triệu đồng.
- Vốn Cấp quyền sử dụng đất: 17.300.000 triệu đồng.
- Bội chi ngân sách: 532.500 triệu đồng.
- Nguồn tiền bán nhà thuộc sở hữu của nhà nước: 21.900 triệu đồng.
- Nguồn vốn khác của ngân sách tỉnh: 55.699 triệu đồng.
- Tiền sử dụng đất từ các dự án trên địa bàn tỉnh, nguồn thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp: 4.500.000 triệu đồng.
- Nguồn hoàn trả ngân sách tỉnh kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án tuyến đường quốc lộ 19 (đoạn từ cảng quy nhơn đến giao quốc lộ 1): 317.747 triệu đồng.

(Có Phụ lục 01, 02, 03, 04, 05, 06 kèm theo)

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa XIII Kỳ họp thứ 3 thông qua và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 7 năm 2021. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh; Chính phủ (b/cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính, Bộ KH&ĐT;
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị;
- Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH**Hồ Quốc Dũng**

TỔNG NGUỒN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021 -2025

(Kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục nguồn vốn	Tổng kế hoạch vốn giai đoạn 2021-2025	Trong đó: Kế hoạch 2021 bố trí	Ghi chú
	TỔNG VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	26.469.146	6.378.206	
A	VỐN ĐẦU TƯ TRONG CÂN ĐỐI NSDP	21.573.800	4.499.760	
	CHI TIẾT THEO NGUỒN			
I	Vốn ngân sách tập trung	3.141.300	557.260	
1	Giao huyện, thị xã, thành phố bố trí	866.698	153.750	
2	Tỉnh bố trí	2.274.602	403.510	
2.1	Chuẩn bị đầu tư	110.000	30.000	
2.2	Bố trí cho chương trình, dự án	2.164.602	373.510	
II	Vốn xổ số kiến thiết	600.000	110.000	
III	Vốn cấp quyền sử dụng đất	17.300.000	3.300.000	
1	Giao huyện, thị xã, thành phố bố trí	10.000.000	2.000.000	
2	Tỉnh bố trí	7.300.000	1.300.000	
	<i>Trong đó:</i>			
-	Các công trình hạ tầng phát triển quỹ đất và các khu tái định cư, hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án của tỉnh	2.000.000	400.000	(*)
IV	Bội chi ngân sách	532.500	532.500	
B	NGUỒN TIỀN BÁN NHÀ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC	21.900	5.000	
C	NGUỒN VỐN KHÁC CỦA NGÂN SÁCH TỈNH	55.699	55.699	
D	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỪ CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, NGUỒN THOÁI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP	4.500.000	1.500.000	
E	NGUỒN HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH TỈNH KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CỦA DỰ ÁN TUYẾN ĐƯỜNG QUỐC LỘ 19 (ĐOẠN TỪ CẢNG QUY NHƠN ĐẾN GIAO QUỐC LỘ 1)	317.747	317.747	

Ghi chú: (*) Năm 2021: Các công trình hạ tầng phát triển quỹ đất: 200 tỷ đồng; Các khu tái định cư, hỗ trợ, bồi thường, giải phóng mặt bằng các dự án của tỉnh: 200 tỷ đồng.

Phụ lục 02

KẾ HOẠCH TRẢ NỢ VAY NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Nội dung vay	Kế hoạch trả nợ vay trong giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
	TỔNG SỐ	133.291	
	TRẢ NỢ GỐC ODA	133.291	
1	Dự án Vệ sinh môi trường các thành phố duyên hải (Dự án VSMT TP Quy Nhơn)	5.750	
2	Dự án đầu tư xây dựng cầu dân sinh và quản lý tài sản đường địa phương (LRAMP)	18.542	
3	Dự án sửa chữa và nâng cao an toàn đập (WB8)	22.683	
4	Dự án môi trường bền vững các thành phố duyên hải - Tiểu dự án TP QN	86.317	

mlen



KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN ODA GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025						Ghi chú
		Tổng số:	Trong đó:					
			Vốn nước ngoài		Vốn đối ứng			
			Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:	
Cấp phát từ NSTW Vốn vay	Ngân sách tỉnh vay lại từ NSTW	NS địa phương						
	TỔNG SỐ	4.851.495	3.539.677	2.081.893	1.437.784	1.138.557	1.138.557	
I	Dự án giai đoạn 2016-2020 chuyển tiếp sang giai đoạn 2021-2025	1.277.967	1.202.582	888.460	314.122	75.385	75.385	
1	Dự án Môi trường bền vững các thành phố Duyên hải - Tiểu dự án thành phố Quy Nhơn	949.411	894.411	601.079	293.332	55.000	55.000	
2	Dự án Khắc phục khẩn cấp hậu quả thiên tai tại một số tỉnh miền Trung - tỉnh Bình Định	234.128	220.128	220.128	0	14.000	14.000	
3	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập WB8	87.360	83.160	62.370	20.790	4.200	4.200	
4	Dự án Giáo dục THCS khu vực khó khăn nhất, giai đoạn 2	5.568	4.883	4.883	0	685	685	
5	Dự án Phục hồi và quản lý bảo vệ bền vững rừng phòng hộ (JICA2)	1.500	0	0	0	1.500	1.500	
II	Dự án đề xuất mới thực hiện giai đoạn 2021-2025 đã phê duyệt chủ trương đầu tư	1.140.528	737.095	403.433	333.662	230.172	230.172	
1	Cung cấp trang thiết bị y tế cho Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn	81.360	69.771	69.771	0	11.589	11.589	
2	Xây dựng cơ sở hạ tầng thích ứng biến đổi khí hậu cho đồng bào dân tộc thiểu số (CRIEM)	885.907	667.324	333.662	333.662	218.583	218.583	
III	Dự án đề xuất mới thực hiện giai đoạn 2021-2025, dự kiến phê duyệt chủ trương đầu tư trong thời gian tới	2.433.000	1.600.000	790.000	790.000	833.000	833.000	
1	Dự án Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định	2.433.000	1.600.000	790.000	790.000	833.000	833.000	



nhân



Date	Time	Location	Activity	Remarks	Signature	Remarks
1941. 11. 11	08:30	...	...	...	...	...
1941. 11. 12	09:00	...	...	...	...	...
1941. 11. 13	08:45	...	...	...	...	...
1941. 11. 14	09:15	...	...	...	...	...
1941. 11. 15	08:30	...	...	...	...	...
1941. 11. 16	09:00	...	...	...	...	...
1941. 11. 17	08:45	...	...	...	...	...
1941. 11. 18	09:15	...	...	...	...	...
1941. 11. 19	08:30	...	...	...	...	...
1941. 11. 20	09:00	...	...	...	...	...
1941. 11. 21	08:45	...	...	...	...	...
1941. 11. 22	09:15	...	...	...	...	...
1941. 11. 23	08:30	...	...	...	...	...
1941. 11. 24	09:00	...	...	...	...	...
1941. 11. 25	08:45	...	...	...	...	...
1941. 11. 26	09:15	...	...	...	...	...
1941. 11. 27	08:30	...	...	...	...	...
1941. 11. 28	09:00	...	...	...	...	...
1941. 11. 29	08:45	...	...	...	...	...
1941. 11. 30	09:15	...	...	...	...	...

Handwritten signature or initials

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (*)	Ghi chú
	TỔNG SỐ	26.469.146	
A	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG	3.141.300	
A.1	GIAO HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THỰC HIỆN	866.698	
1	Thành phố Quy Nhơn	222.694	
2	Thị xã An Nhơn	63.632	
3	Thị xã Hoài Nhơn	69.972	
4	Huyện Tuy Phước	59.842	
5	Huyện Tây Sơn	61.766	
6	Huyện Phù Cát	72.164	
7	Huyện Phù Mỹ	65.664	
8	Huyện Hoài Ân	61.734	
9	Huyện Vĩnh Thạnh	63.462	
10	Huyện Vân Canh	61.426	
11	Huyện An Lão	64.342	
A.2	VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ	110.000	
A3	THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ, CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN	2.164.602	
A.3.1	ĐÓI ỨNG CÁC CTMTQG	90.000	
A.3.2	BỐ TRÍ CHO DỰ ÁN QUY HOẠCH TỈNH THỜI KỲ 2021-2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050	10.000	
A.3.3	XỬ LÝ THANH TOÁN CÁC CÔNG TRÌNH QUYẾT TOÁN	200.000	
A.3.4	BỐ TRÍ CHO CÁC DỰ ÁN	1.864.602	
A.3.4.1	DANH MỤC CÁC DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC BỐ TRÍ VỐN TRIỂN KHAI	705.377	
I	NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI	392.331	
1	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ bến xe cũ đi Trung tâm tập kết mua bán động vật tập trung và vùng sản xuất rau an toàn	1.720	
2	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường ĐT.630, đoạn Kim Sơn - Vực Bà	8.000	
3	Cầu Phú Văn (giai đoạn 2)	41.859	
4	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Ân Phong đi Ân Tường Đông	15.000	
5	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường liên huyện (đoạn từ QL19B đến giáp đường trục Khu kinh tế nổi dài)	2.208	
6	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1 đến giáp đường Tỉnh lộ ĐT.638 (đoạn từ đường Quang Trung đến giáp đường ĐT.638)	3.481	
7	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ xã Mỹ Châu – thị trấn Bình Dương, đoạn từ ngã ba đường cứu hộ cứu nạn (thôn Trà Thung, xã Mỹ Châu) – giáp đường ĐT.632 (thôn Dương Liễu Bắc, thị trấn Bình Dương)	4.502	
8	Nâng cấp tuyến đường ĐH.42, huyện Tuy Phước	8.400	
9	Nâng cấp tuyến đường Lê Công Miến, thị trấn Tuy Phước	1.808	
10	Tuyến đường chính trong Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng xã Vĩnh Sơn, huyện Vĩnh Thạnh	6.569	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (*)	Ghi chú
11	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối các điểm di tích văn hóa, lịch sử phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn	4.233	
12	Tuyến đường dọc kênh Lại Giang, thị trấn Bồng Sơn (đoạn từ nhà thờ Tin Lành đến cầu số 4)	9.764	
13	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường số 2 (đoạn kết nối đường ĐT.638 với đường ĐT.639), huyện Hoài Nhơn	4.500	
14	Tuyến đường hồ Cây Khế đi lên di tích lịch sử Trại Phẫu, xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn	880	
15	Đường từ QL1A cũ đến Gò Dài và khu dân cư dọc tuyến	10.150	
16	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối Quốc lộ 1 (tuyến đường Tài Lương – Ca Công và tuyến đường Bình Chương – Hoài Mỹ), huyện Hoài Nhơn	22.200	
17	Nâng cấp tuyến đường dọc bờ kè sông Lại Giang (đoạn từ cầu Bồng Sơn cũ đến giáp đường ĐT.630)	2.791	
18	Tuyến đường Hóc Tranh Định Công đi Hà Xuyên Công Lương, xã Hoài Mỹ	2.697	
19	Tuyến đường liên xã Hoài Tân từ Quốc lộ 1 đến xã Hoài Xuân, huyện Hoài Nhơn	4.724	
20	Cải tạo nâng cấp hệ thống điện chiếu sáng bãi biển Quy Nhơn khu vực dọc tuyến đường Xuân Diệu và An Dương Vương (từ Lý Chiêu Hoàng đến Khách sạn Hoàng Gia)	10.592	
21	Cầu Rộc Hội	2.600	
22	Mở rộng, nâng cấp tuyến đường giao thông chính từ Quốc lộ 1 thuộc xã Mỹ Hiệp, huyện Phù Mỹ đi đường phía Tây tỉnh	1.100	
23	Đường cứu hộ, cứu nạn từ QL 1A đến giáp đường ĐT.639 (đường ven biển)	822	
24	Bê tông xi măng đường nội bộ khu vực thị trấn Vĩnh Thạnh	1.438	
25	Tuyến đường liên xã từ QL1, đoạn Km1132+800 đến Tỉnh lộ ĐT.639	5.176	
26	Tuyến đường từ ngã ba công chào đến sông Xường	3.882	
27	Cầu Mương Cái, xã Hoài Châu	1.500	
28	Nâng cấp, mở rộng đường kết nối ĐT.633 (Quốc lộ 1) đến ĐT.634, huyện Phù Cát	8.840	
29	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Nhà Đá - An Lương, huyện Phù Mỹ	4.300	
30	Tuyến đường giao thông kết nối Khu du lịch Hầm Hồ đến Khu du lịch Thác Đổ, xã Vĩnh An, huyện Tây Sơn	14.623	
31	Đường từ ĐT.640 vào Tháp Bình Lâm	22.198	
32	Nâng cấp tuyến đường Ân Hữu – Đak Mang (đoạn Xuân Sơn và đoạn cầu Nước Lương đi thôn T6 xã Đak Mang)	11.639	
33	Khắc phục lũ lụt sạt lở tuyến đường Ngã 3 Xuân Sơn đi Đăk Mang	7.404	
34	Khắc phục lũ lụt tuyến đường Suối Le - Tân Xuân	7.425	
35	Khắc phục lũ lụt sạt lở tuyến đường Bù Nú đi thôn T4, T5	8.853	
36	Nâng cấp kè cầu Phong Thạnh (đoạn thị trấn Tăng Bạt Hổ)	8.610	
37	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường từ cầu Bù Nú đi T4, T5, huyện Hoài Ân	22.262	
38	Sửa chữa, nâng cấp các tuyến đường GTNT trên địa bàn huyện Phù Cát bị hư hỏng, xuống cấp do thi công dự án Đường trục Khu kinh tế nổi dài	2.910	
39	Đường liên huyện Phù Cát - Thị xã An Nhơn, nối từ đường trục KKT nổi dài (xã Cát Nhơn, huyện Phù Cát) đến tỉnh lộ ĐT. 631 (xã Nhơn Phong, thị xã An Nhơn)	6.800	

nmh

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (*)	Ghi chú
40	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1A cũ đến giáp đường tỉnh lộ ĐT.638, huyện Phù Cát	11.300	
41	Nâng cấp, mở rộng mặt đường ĐT.631 (đoạn từ ngã ba Bàu Sáo, phường Nhơn Hưng, đến chợ Quán Mới, xã Nhơn Hạnh)	19.500	
42	Cầu Thiết Tràng, xã Nhơn Mỹ, thị xã An Nhơn	20.052	
43	Xây dựng tuyến kè từ cầu Đập Đá cũ đến giáp cầu xe lửa, phường Nhơn Hưng, thị xã An Nhơn	3.137	
44	Nâng cấp, mở rộng mặt đường ĐT.636 (đoạn từ đường sắt phường Bình Định đến ngã tư giao nhau với đường Tây Tinh)	24.700	
45	Hạ tầng kỹ thuật tuyến đường Quốc lộ 1 cũ, thị trấn Bồng Sơn	5.182	
II	HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ, MÔI TRƯỜNG, KHU DÂN CƯ, KHU TĐC, CHỢ, ĐIỆN	55.219	
1	Xây dựng Khu tái định cư di dời khẩn cấp 36 hộ dân sống trong vùng sạt lở tại Núi Gành, thôn Đức Phổ 1, xã Cát Minh, huyện Phù Cát	10.862	
2	Đường nội bộ và hệ thống thoát nước công trình Khu tái định cư dân vùng thiên tai xã Mỹ An, huyện Phù Mỹ	2.508	
3	Xây dựng chợ Trung tâm xã Canh Hiệp	4.140	
4	Xây dựng lưới điện cho 03 làng: Làng Kà Bông, Làng Cát, Làng Chôm, xã Canh Liên, huyện Vân Canh	3.500	
5	Di dời, ngầm hóa hệ thống hạ tầng kỹ thuật đường An Dương Vương	7.205	
6	Sân vận động Tam Quan và Khu tái định cư do GPMB xây dựng sân vận động thị trấn Tam Quan, huyện Hoài Nhơn	2.000	
7	Hệ thống cấp nước sinh hoạt cho khu tái định cư phục vụ Khu công nghiệp Nhơn Hòa	2.533	
8	Chợ Hoài Phú	910	
9	Hệ thống lò đốt rác thải xã An Hòa, huyện An Lão	9.630	
10	Nhà trưng bày sản phẩm Làng nghề rèn Tây Phương Danh phường Đập Đá, thị xã An Nhơn	690	
11	Xây dựng các hạng mục công trình thuộc Đề án Phát triển làng nghề sản xuất cây Mai vàng Nhơn An	4.827	
12	Hệ thống thoát nước dọc tường rào phía Tây Trụ sở làm việc Công an thị xã Hoài Nhơn	2.800	
13	Làng nghề tiện gỗ mỹ nghệ Nhơn Hậu, thị xã An Nhơn - Hạng mục xây dựng hạ tầng kỹ thuật chung	3.614	
III	LĨNH VỰC NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, DIỆM NGHIỆP, THỦY LỢI, THỦY SẢN VÀ NƯỚC SẠCH NÔNG THÔN	231.525	
1	Sửa chữa, khắc phục khẩn cấp hư hỏng mái đập hồ Ân Đôn, xã Ân Phong	1.600	
2	Sửa chữa, gia cố đê suối Chánh Thắng, xã Cát Thành, huyện Phù Cát	4.519	
3	Nhà máy cấp nước sinh hoạt xã Cát Trinh và xã Cát Tân, huyện Phù Cát	13.000	
4	Trạm bơm điện Mỹ Trang, xã Mỹ Châu. Hạng mục: Nâng cấp, xây dựng cụm đầu mối, hệ thống kênh mương và đường quản lý kết hợp dân sinh	656	
5	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ	4.877	
6	Cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Châu	10.404	
7	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ	11.289	
8	Đập dâng Cây Kê, xã Mỹ Quang, huyện Phù Mỹ	10.214	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (*)	Ghi chú
9	Xây dựng hệ thống kênh điều tiết chống thất thoát nước hồ Mỹ Bình, xã Hoài Phú, huyện Hoài Nhơn	2.941	
10	Mở rộng đường ống cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Phong, huyện Phù Mỹ	1.346	
11	Nâng cấp hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Chánh (giai đoạn 2)	10.106	
12	Cấp nước sinh hoạt xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ	5.112	
13	Đê suối Kiều Duyên (từ cầu Tri Châu – đồng Xà Len)	4.865	
14	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Bình Nghi, huyện Tây Sơn	10.316	
15	Đê sông Gò Chàm (đoạn bờ Nam hạ lưu cầu ông Quế), xã Phước Hưng, huyện Tuy Phước	1.573	
16	Kè và đập dâng Mỹ Cang, xã Phước Sơn	1.279	
17	Hệ thống kênh tưới Phước Thuận	2.576	
18	Gia cố đê thượng lưu đập ngăn mặn An Thuận, huyện Tuy Phước	1.000	
19	Sửa chữa, nâng cấp trạm bơm 2/9 xã Phước Thành, huyện Tuy Phước	1.908	
20	Sửa chữa trạm xử lý và đường ống Nhà máy nước Phước Thuận	2.298	
21	Hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Phước Lộc, Phước Hiệp và vùng phụ cận huyện Tuy Phước	21.500	
22	Kè chống sạt lở khu dân cư làng Canh Phước	1.000	
23	Đê Thiết Trụ đoạn nối tiếp, xã Nhơn Hậu	1.064	
24	Kè sông Gò Chàm khu vực Tiên Hòa, phường Nhơn Hưng	5.225	
25	Kè sông Kôn (đoạn bờ ông Lộc, khu vực Phụ Quang)	4.121	
26	Kè soi ông Thức, khu vực Long Quang, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn	1.748	
27	Kè sông Sứ, xã Nhơn Phúc, thị xã An Nhơn	2.000	
28	Kè đoạn từ cầu Trường Thi đến đập Thanh Hòa, thị xã An Nhơn	1.926	
29	Kè Thuận Thái, xã Nhơn An, thị xã An Nhơn	6.751	
30	Kè sông Thạch Đề từ trạm bơm đội 5 Bằng Châu, phường Đập Đá đến giáp ranh cầu Bến Trén, khu vực Lý Tây, phường Nhơn Thành	2.735	
31	Đê Bờ Mọ, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn	5.230	
32	Đê đội 12 khu vực Vạn Thuận, phường Nhơn Thành, thị xã An Nhơn	3.545	
33	Kè Thiết Tráng, xã Nhơn Mỹ	4.257	
34	Kè dọc sông An Tượng (Kè Gò Me – Nhơn Thọ), thị xã An Nhơn	2.442	
35	Đê Gò Chòi, khu vực Long Quang, phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn	2.444	
36	Kè Xóm 6 Hiếu An, xã Nhơn Khánh, thị xã An Nhơn	1.998	
37	Kè sông Gò Chàm (đoạn nối tiếp), khu vực Phò An, phường Nhơn Hưng	687	
38	Trần phân lũ phía bờ tả sông An Tượng (phía thượng lưu, vùng tràn Lỗ Ôi), thị xã An Nhơn	4.532	
39	Kè đoạn từ bãi cát phía trên cầu Trường Thi đến đập Thanh Hòa thuộc địa bàn phường Nhơn Hòa, thị xã An Nhơn (giai đoạn 2)	3.778	
40	Sửa chữa, nâng cấp Trần Bội Chức, xã Hoài Phú, huyện Hoài Nhơn	1.077	
41	Trần phân lũ Ao Quyền, xã Hoài Châu, huyện Hoài Nhơn	977	
42	Kè bảo vệ khu dân cư dọc bờ sông Hoài Hải, đoạn từ thôn Kim Giao Nam đến thôn Kim Giao Bắc (giai đoạn 1)	6.233	
43	Kè ngăn lũ khu dân cư Phú An - Hoài Hương (giai đoạn 2)	2.500	
44	Kè ngăn lũ khu dân cư dọc sông Lại Giang (đoạn thôn Nhuận An Đông), xã Hoài Hương (giai đoạn 1)	1.000	
45	Kè chống xói lở bờ Nam sông Lại Giang (đoạn từ cầu đường sắt đến cầu ông Châu)	7.169	
46	Kè chống sạt lở sông Xường	3.000	
47	Sửa chữa, nâng cấp đập Bàu Sấm, xã Hoài Sơn	2.338	
48	Sửa chữa, nâng cấp Đập Chùa, xã Hoài Hào, huyện Hoài Nhơn	1.085	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (*)	Ghi chú
49	Sửa chữa, nâng cấp Trần xả lũ đập Cẩm, xã Hoài Châu, huyện Hoài Nhơn	815	
50	Kè chống xói lở và hệ thống ngăn mặn thôn Trường Xuân Tây, xã Tam Quan Bắc	16.391	
51	Kè chống sạt lở bờ sông Lại Giang, thôn Vĩnh Phụng 2, xã Hoài Xuân	4.956	
52	Kè ngăn lũ khu dân cư và xây dựng mới Cầu Soi, thôn tường Sơn; cầu cây Vừng thôn Hy Tường xã Hoài Sơn	5.122	
IV	QLNN - QPAN	26.302	
1	Hội trường huyện Phù Mỹ	3.681	
2	Trụ sở làm việc HĐND & UBND xã Bình Thành, huyện Tây Sơn.	2.430	
3	Trụ sở làm việc UBND thị trấn Tam Quan	2.000	
4	Nhà làm việc UBND thị trấn Bồng Sơn	12.000	
5	Trụ sở làm việc HĐND và UBND xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn, hạng mục: Nhà làm việc khối đoàn thể xã	1.004	
6	Cải tạo, mở rộng Trụ sở HĐND và UBND xã Tây Vinh, huyện Tây Sơn	1.900	
7	Xây dựng trụ sở HĐND và UBND thị trấn Diêu Trì	1.207	
8	Trụ sở HĐND và UBND xã Vĩnh Thịnh	2.080	
A.3.4.2	DANH MỤC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI TRONG THỜI GIAN TỚI	1.159.225	Chi tiết tại Phụ lục 5
B	VỐN XỔ SỔ KIẾN THIẾT	600.000	
B.1	ĐÓI ỨNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	60.000	
B.2	DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC BỐ TRÍ VỐN THỰC HIỆN	450.578	
I	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	287.519	
1	Trường TH An Hòa 2 (Nhà hiệu bộ)	1.400	
2	Trường PT DT bán trú Đinh Ruổi	3.780	
3	Trường Tiểu học Ân Phong, hạng mục Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng (điểm An Hòa)	1.024	
4	Trường tiểu học Ân Hảo Đông (điểm Hội Trung), hạng mục Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	1.065	
5	Trường Tiểu học Ân Nghĩa; hạng mục: Xây dựng 10 phòng học và nhà hiệu bộ	4.787	
6	Trường THCS Ân Thạnh; hạng mục: Xây dựng 08 phòng học, 04 phòng bộ môn và hiệu bộ	7.515	
7	Trường THCS Tăng Bạt Hổ. HM: XD mới nhà lớp học 06 phòng, 04 phòng bộ môn và nhà hiệu bộ	6.335	
8	Trường mầm non Ân Hữu (Điểm chính) nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	3.007	
9	Trường THCS Ân Tường Tây (NBM 02 tầng 06 phòng)	4.942	
10	Trường mầm non Ân Tường Đông (nhà lớp học 02 tầng 06 phòng)	3.007	
11	Trường THCS Ân Nghĩa, 6 phòng học 2 PBM và khu hiệu bộ	4.934	
12	Trường Tiểu học số 1 Cát Tường (điểm trường Xuân Quang) - Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng (04 phòng chức năng và 06 phòng học)	1.485	
13	Trường Tiểu học số 1 Ngô Mây - Hạng mục Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	627	
14	Trường Trung học cơ sở Cát Thắng - Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng	1.248	
15	Trường THCS Cát Lâm - Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng (04 phòng chức năng và 02 phòng học)	1.263	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (*)	Ghi chú
16	Trường Tiểu học số 1 Cát Trinh - Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng	1.427	
17	Trường Tiểu học số 2 Cát Trinh - Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng	1.422	
18	Trường Mẫu giáo bán trú xã Cát Hạnh, hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng và các phòng chức năng	4.305	
19	Trường Mẫu giáo bán trú xã Cát Tiến, hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng, Nhà hiệu bộ và Nhà ăn + bếp	4.977	
20	Trường Trung học cơ sở Cát Tài, hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng	2.875	
21	Trường Tiểu học Cát Chánh (điểm trường Chánh Hội), hạng mục: Nhà 02 tầng 08 phòng (04 phòng học và 04 phòng chức năng)	1.734	
22	Trường MG Mỹ Thành (HM: Nhà lớp học 02 tầng 04 phòng)	78	
23	Trường mẫu giáo xã Mỹ Chánh (HM: NLH 2T 4P)	70	
24	Trường MG Mỹ Chánh (Công Trung) (HM: Nhà lớp học 02 tầng 04 phòng)	78	
25	Trường MN thị trấn Bình Dương, HM: NLH 02T 08P	603	
26	Trường TH Mỹ Quang, HM: NLH 02T 08P	1.702	
27	Trường Tiểu học số 2 Mỹ Hiệp, hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng	1.280	
28	Trường Mẫu giáo Mỹ Quang (hm: Xây dựng 03 phòng học và 01 phòng đa chức năng)	2.198	
29	Trường THCS Mỹ Tài, hạng mục: Nhà lớp học bộ môn 02 tầng 06 phòng	2.120	
30	Trường THCS Mỹ Trinh, hạng mục: Nhà bộ môn 2 tầng 4 phòng	1.427	
31	Trường tiểu học số 01 Bình Hòa 02 tầng, 06 phòng (04 phòng chức năng, 02 phòng bộ môn)	2.300	
32	Trường THCS Tây Bình, nhà bộ môn 2T, 04 phòng	1.000	
33	Trường TH Bình Thành; HM: Xây dựng 06 phòng học và 04 phòng chức năng	617	
34	Trường TH Tây Bình; HM: 04 phòng chức năng	615	
35	Trường MG Bình Tân. HM: 04 phòng học, 01 phòng giáo dục nghệ thuật; khu hiệu bộ; bếp ăn một chiều	2.500	
36	Trường Mẫu giáo Tây Giang - hạng mục: Xây dựng nhà lớp học 03 phòng và 01 phòng giáo dục nghệ thuật	1.985	
37	Trường Mẫu giáo Tây An - Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	2.165	
38	Trường THCS Tây An - Hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng	3.200	
39	Trường TH số 1 Tây Phú; hạng mục: 04 phòng chức năng và 01 khu hiệu bộ	3.530	
40	Trường THCS Võ Xán; hạng mục: nhà lớp học 02 tầng, 16 phòng	4.811	
41	Trường THCS Tây Vinh; hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 04 phòng	2.383	
42	Trường THCS Bình Hòa; hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 04 phòng	2.357	
43	Trường THCS Bình Thành; hạng mục: Khu hiệu bộ	1.955	
44	Trường MN Bình Thành	2.643	
45	Trường Tiểu học Bình Tân; hạng mục: Xây dựng 04 phòng chức năng và khu hiệu bộ	4.158	
46	Trường mầm non Phú Phong; Hạng mục: Xây mới nhà lớp học 02 tầng 12 phòng, bếp ăn 01 chiều và hệ thống phòng cháy chữa cháy	8.400	
47	Trường Tiểu học số 1 Phước Hòa - Hạng mục Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	546	
48	Trường Tiểu học số 1 Phước Lộc. HM: Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng	1.066	
49	Trường TH số 1 Phước Thuận (06 phòng chức năng)	54	
50	Trường mầm non Phước Thắng (02T, 04P) (2017)	19	

mha

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (*)	Ghi chú
51	Trường Trung học cơ sở Phước Thành - hạng mục: Nhà lớp học bộ môn	1.425	
52	Trường mầm non Phước Sơn	2.100	
53	Trường mầm non Canh Hiệp (HM: Xây dựng Nhà hiệu bộ)	824	
54	Trường Mầm non xã Canh Hiệp (HM: Nhà lớp học 02 tầng 04 phòng, nhà ăn, sân bê tông, tường rào cổng ngõ)	2.289	
55	Trường Mẫu giáo Canh Hiền	448	
56	Trường mầm non xã Canh Vinh (HM 04 phòng lớp học, nhà hiệu bộ)	2.830	
57	Trường THCS Canh Vinh (HM: Xây dựng 03 phòng học, Thư viện)	2.800	
58	Trường mầm non Canh Liên (HM: Xây dựng 03 phòng học; Nhà hiệu bộ; Nhà ăn; nhà bếp; Khu vệ sinh; Sân bê tông - Cổng ngõ, tường rào)	5.850	
59	Trường THCS Vĩnh Quang HM: Nhà hiệu bộ	502	
60	Trường TH Vĩnh Quang (HM: nhà hiệu bộ)	450	
61	Trường MN thị trấn Vĩnh Thạnh (HM: nhà ăn + bếp; tường rào cổng ngõ; sân nền bê tông)	400	
62	Trường TH thị trấn Vĩnh Thạnh. HM: NLH02T10P	5.342	
63	Trường mẫu giáo Vĩnh Hiệp. HM: NLH06, nhà ăn, bếp và nhà hiệu bộ	8.394	
64	Trung tâm bồi dưỡng chính trị thị xã An Nhơn	1.262	
65	Trường Trung học cơ sở Nhơn Tân - Hạng mục Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng	2.101	
66	Trường Mẫu giáo Nhơn Mỹ (Thiết Trảng)	126	
67	Trường TH số 2 Nhơn Hạnh (Thái Xuân)	305	
68	Trường THCS Nhơn Mỹ (2t, 8P)	375	
69	Trường TH số 01 Nhơn Hòa. HM: xây dựng mới Nhà 02 tầng 06 phòng	523	
70	Trường Tiểu học số 2 Nhơn An 02 tầng 6 phòng	530	
71	Trường Mầm non Nhơn Lộc, HM: 3P, tường rào cổng ngõ	600	
72	Trường Mầm non Nhơn Phong (điểm trường chính Tam Hòa). HM NLH, 01 phòng	106	
73	Trường mầm non Nhơn Phúc (HM NLH 2 phòng)	216	
74	Trường THCS Tây Thuận; hạng mục: Nhà bộ môn 2 tầng 04 phòng	476	
75	Trường tiểu học số 1 Đập Đá (điểm chính khu vực Bằng Châu); Hạng mục: Xây dựng khối phòng chức năng 02 tầng 06 phòng	1.528	
76	Trường Tiểu học số 2 Nhơn Thọ - hạng mục: Xây dựng nhà hiệu bộ và phòng chức năng 02 tầng 06 phòng	1.658	
77	Trường Tiểu học số 1 Nhơn Hậu - hạng mục: Xây dựng nhà hiệu bộ và phòng chức năng 02 tầng 06 phòng	1.724	
78	Trường Trung học cơ sở Nhơn Thành - Hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng	2.220	
79	Trường tiểu học số 2 Nhơn Hưng (điểm chính Xita) - Hạng mục: Xây dựng khối phòng học chức năng và hiệu bộ (nhà 02 tầng 06 phòng)	1.540	
80	Trường THCS Nhơn Hậu - Hạng mục Xây dựng nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng	2.450	
81	Trường THCS Đập Đá - hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng	700	
82	Trường tiểu học số 1 Nhơn Thành (điểm chính Châu Thành) - Hạng mục: Xây dựng khối phòng học chức năng 02 tầng 06 phòng	1.623	
83	Trường Tiểu học số 1 Nhơn Lộc (điểm chính An Thành) – Hạng mục: Xây dựng khối phòng học chức năng và hiệu bộ 02 tầng 06 phòng	1.672	
84	Trường mầm non Nhơn Thọ - Hạng mục: Xây dựng nhà lớp học 03 phòng	1.452	
85	Trường Mẫu giáo phường Nhơn Thành (điểm chính Tiên Hội) 05 phòng (2 phòng học + 3 phòng bộ môn)	2.428	

mh

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (*)	Ghi chú
86	Trường Mẫu giáo Nhơn Hòa (điểm chính) 02 tầng 08 phòng (5 phòng học +3 phòng chức năng)	3.886	
87	Trường Tiểu học số 2 Nhơn Thành (điểm Phú Thành) 02 tầng 06 phòng học	613	
88	Trường Tiểu học số 1 Nhơn Thọ (điểm chính Ngọc Thạnh) 2 tầng 8 phòng (2 phòng học + 6 phòng CN)	1.659	
89	Trường Tiểu học số 2 Đập Đá (02 tầng 06 phòng chức năng)	1.774	
90	Trường Tiểu học số 1 phường Bình Định (nhà lớp học 02 tầng 12 phòng)	1.947	
91	Trường Tiểu học số 2 phường Bình Định (điểm chính Thanh Niên) - Hạng mục Nhà chức năng phục vụ học tập 02 tầng 06 phòng	1.699	
92	Trường THCS Tam Quan Bắc, HM: Nhà bộ môn 06 phòng	2.529	
93	Trường Mẫu giáo Tam Quan Bắc, hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng; San nền mặt bằng	2.288	
94	Trường TH số 2 Hoài Mỹ. HM: NLH, nhà bộ môn 02T08P	5.492	
95	Trường TH số 1 Tam Quan (HM: Nhà lớp học 3T- 12P và nhà hiệu bộ)	1.409	
96	Trường THCS Hoài Hương (HM: nhà bộ môn 2T6P và nhà hiệu bộ)	1.851	
97	Trường Mầm non Hoài Hương - hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	2.393	
98	Trường Tiểu học số 1 Hoài Hào - Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng	969	
99	Trường tiểu học số 2 Hoài Sơn - Hạng mục Nhà lớp học 02 tầng 8 phòng	1.001	
100	Trường Tiểu học số 2 Tam Quan - Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng	1.129	
101	Trường TH số 3 Nhơn Hòa (Trung Ái)	53	
102	Trường Mầm non Hoài Đức (điểm Diễn Khánh) - hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	2.064	
103	Trường Tiểu học Hoài Phú - hạng mục Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng	1.139	
104	Trường THCS Hoài Tân, hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng và Nhà hiệu bộ	3.641	
105	Trường tiểu học số 3 Bồng Sơn - Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng	1.112	
106	Trường Tiểu học số 1 Tam Quan Bắc (điểm Trường Xuân tây), huyện Hoài Nhơn; Hạng mục: San nền mặt bằng, nhà lớp học 02 tầng 10 phòng, tường rào cổng ngõ và khu vệ sinh	1.368	
107	Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Hoài Phú, huyện Hoài Nhơn - Hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng	2.313	
108	Trường THCS Hoài Hải - hạng mục: Nhà bộ môn 02 tầng 04 phòng	1.642	
109	Trường tiểu học số 1 Hoài Châu Bắc - hạng mục Nhà lớp học 03 tầng 18 phòng, huyện Hoài Nhơn	3.239	
110	Trường Mẫu giáo Hoài Xuân - Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng	3.532	
111	Trường mầm non Hoài Thanh (Thôn Trường An 2)-Hạng mục Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng	4.183	
112	Trường tiểu học Hoài Đức – Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 08 phòng	1.143	
113	Trường Mầm non Hoài Sơn - Hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng và nhà bếp	3.093	
114	Trường TH Hoài Xuân, HM: Nhà lớp học 02 tầng 10 phòng	1.498	
115	Trường Tiểu học số 1 Hoài Hương - Hạng mục: Nhà lớp học, nhà bộ môn 02 tầng 12 phòng (06 phòng học + 06 phòng bộ môn) và Nhà hiệu bộ, thị xã Hoài Nhơn	3.252	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (*)	Ghi chú
116	Trường Tiểu học số 2 Hoài Hảo - Hạng mục: Nhà lớp học, nhà bộ môn 03 tầng 18 phòng (12 phòng học + 06 phòng bộ môn), thị xã Hoài Nhơn	3.488	
117	Trường THCS Hoài Thanh. HM: Nhà bộ môn 02T06P và Nhà hiệu bộ	4.938	
118	Trường TH số 1 Hoài Thanh Tây. HM: NLH 03T12P và nhà hiệu bộ	2.943	
119	Trường THCS Hoài Đức, hạng mục: nhà bộ môn 02 tầng 06 phòng, nhà hiệu bộ, tường rào	4.640	
120	Trường TH số 1 Hoài Tân; hạng mục: Nhà lớp học, nhà bộ môn 03 tầng 12 phòng; Nhà hiệu bộ và Tường rào	3.436	
121	Trường THCS Hoài Mỹ. HM: Nhà bộ môn, NLH 02T12P và Nhà hiệu bộ	5.492	
122	Trường THCS Hoài Châu Bắc, HM: NBM 2T6P và NHB	4.615	
123	Trường THCS Đào Duy Từ, hạng mục: Nhà lớp học 02 tầng 06 phòng	3.051	
124	Trường Mẫu giáo Hoài Mỹ, bổ sung hạng mục: Nhà bếp, tường rào, cổng ngõ	471	
125	Trường TH số 2 Hoài Thanh, hạng mục: nhà lớp học, nhà bộ môn 02 tầng 12 phòng và nhà hiệu bộ	3.357	
126	Trường TH Hoài Châu, hạng mục: Nhà lớp học, nhà bộ môn 02 tầng 14 phòng (08 phòng học + 06 phòng bộ môn) và nhà hiệu bộ	3.536	
127	Trường TH số 2 Tam Quan Bắc, hạng mục: nhà lớp học 03 tầng 12 phòng và nhà hiệu bộ	4.014	
128	Trường Mầm non Canh Hiền; HM: XD nhà ăn-bếp, khu vệ sinh, sân bê tông và cổng ngõ tường rào	1.339	
II	Y TẾ	86.049	
1	Sửa chữa, nâng cấp Trạm Y tế TT. Tăng Bạt Hổ	2.810	
2	Trạm y tế xã Cát Chánh, huyện Phù Cát	1.026	
3	Nâng cấp, sửa chữa Trạm y tế xã Cát Tân	2.641	
4	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Mỹ Chánh, huyện Phù Mỹ	194	
5	Cải tạo, sửa chữa trạm y tế xã Mỹ Lợi, huyện Phù Mỹ	193	
6	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Mỹ Tài, huyện Phù Mỹ	2.079	
7	Nâng cấp, sửa chữa Trạm Y tế xã Mỹ Cát, huyện Phù Mỹ	1.666	
8	Trạm y tế xã Vĩnh An, huyện Tây Sơn	219	
9	Trạm y tế xã Bình Thuận, huyện Tây Sơn	602	
10	Trạm y tế xã Bình Tân, huyện Tây Sơn	417	
11	Sửa chữa, nâng cấp Trạm y tế xã Phước Sơn	2.156	
12	Xây dựng mới khu nhà điều trị - nhà hành chính của Trung tâm y tế TP Quy Nhơn	66.000	
13	Trạm Y tế xã Hoài Mỹ, huyện Hoài Nhơn	134	
14	Trạm Y tế xã Hoài Hải, huyện Hoài Nhơn	1.967	
15	Trạm Y tế phường Hoài Tân, huyện Hoài Nhơn	1.883	
16	Trạm Y tế phường Bồng Sơn, TX Hoài Nhơn	2.062	
III	VĂN HÓA, THỂ THAO	77.010	
1	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi huyện An Lão	9.657	
2	Nâng cấp, mở rộng và tu bổ tôn tạo di tích Địa điểm lịch sử chiến thắng Đèo Nhông, xã Mỹ Phong, huyện Phù Mỹ	16.656	
3	Xây dựng, tu bổ tôn tạo di tích Đền thờ Văn phong, xã Tây An, huyện Tây Sơn	2.600	
4	Tượng đài Khởi nghĩa Vĩnh Thạnh	7.635	
5	Nhà Văn hóa trung tâm thị xã An Nhơn	19.125	
6	Quảng trường huyện Hoài Nhơn	4.000	
7	Đài tưởng niệm Liệt sỹ thanh niên xung phong tỉnh Bình Định	1.718	
8	Trung tâm văn hóa - thể thao huyện Hoài Nhơn	14.500	
9	Nhà Văn hóa xã Cát Hải	1.119	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (*)	Ghi chú
B.3	DỰ ÁN KHÔI CÔNG MỚI TRONG THỜI GIAN TỚI	89.422	Chi tiết tại Phụ lục 5
C	VỐN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	17.300.000	
C.1	GIAO HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ THỰC HIỆN	10.000.000	
1	UBND thành phố Quy Nhơn	2.250.000	
2	UBND thị xã An Nhơn	2.500.000	
3	UBND thị xã Hoài Nhơn	1.500.000	
4	UBND huyện Tuy Phước	1.300.000	
5	UBND huyện Tây Sơn	350.000	
6	UBND huyện Phù Cát	1.125.000	
7	UBND huyện Phù Mỹ	600.000	
8	UBND huyện Hoài Ân	250.000	
9	UBND huyện Vĩnh Thạnh	50.000	
10	UBND huyện Vân Canh	25.000	
11	UBND huyện An Lão	50.000	
C.2	TÌNH BỐ TRÍ	7.300.000	
C.2.1	TRẢ NỢ NGÂN SÁCH	133.291	
C.2.2	HỖ TRỢ HỢP TÁC BỀN LÀO	7.500	
C.2.3	CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT VÀ CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ, HỖ TRỢ, BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CÁC DỰ ÁN CỦA TỈNH	2.000.000	(**)
C.2.4	BỐ TRÍ CHO CHƯƠNG TRÌNH BÊ TÔNG XI MĂNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN VÀ KIẾN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG	300.000	
C.2.5	HỖ TRỢ, ĐỐI ỨNG CÁC DỰ ÁN PPP VÀ CÁC DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH KHUYẾN KHÍCH DOANH NGHIỆP ĐẦU TƯ VÀO NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN	180.000	
C.2.6	ĐỐI ỨNG ODA	306.000	
C.2.7	CHI PHÍ THẨM TRA PHÊ DUYỆT QUYẾT TOÁN VỐN ĐẦU TƯ HOÀN THÀNH	20.000	
C.2.8	BỐ TRÍ CHO CÁC DANH MỤC DỰ ÁN	4.353.209	
C.2.8.1	DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC BỐ TRÍ VỐN THỰC HIỆN	2.729.184	
I	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO	63.996	
1	Mở rộng trường Cao Đẳng Bình Định (HM: Nhà thực hành nghề số 1)	32.950	
2	Đầu tư xây dựng kiên cố hóa trường mầm non, tiểu học các xã đặc biệt khó khăn, bãi ngang, hải đảo - giai đoạn 2017-2020 tỉnh Bình Định	1.463	
3	Nhà thực hành khoa Văn hóa Nghệ thuật	3.083	
4	Trường THPT Tăng Bạt Hổ (HM: Nhà lớp học 03 tầng 15 phòng)	10.500	
5	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ. HM: Nhà lớp học, bộ môn và chức năng 03T (4PH, 06BM, 02PCN)	12.500	
6	Trường THPT số 3 Tuy Phước, huyện Tuy Phước. HM: NHB	3.500	
II	NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI	1.536.834	
1	Tuyến đường vào trụ sở Phòng Cảnh sát đường thủy	500	
2	Đường kết nối với di tích tháp Chăm Dương Long	11.581	
3	Nâng cấp tuyến đường ĐT.638 (đường phía Tây tỉnh), đoạn Km137+580 - Km143+787	1.390	
4	Đường phía Tây tỉnh (ĐT.639B) (HM: Km130+00 - Km 137+580)	8.380	
5	Đường trục KKT nối dài (giai đoạn 1) - Hợp phần 1	15.000	
6	Đường vành đai khu trung tâm phần mềm và công viên khoa học thuộc khu đô thị khoa học và giáo dục Quy Hòa	5.000	
7	Tuyến đường đi từ đài Kính thiên đến Lăng Mai Xuân Thưởng, huyện Tây Sơn	4.345	
8	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đê Gi	300.000	
9	Đường giao thông vào các khu đất sản xuất hồ chứa nước Đồng Mít	510	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (*)	Ghi chú
10	Đường Điện Biên Phủ nối dài (đoạn từ Lâm Văn Tương đến Quốc Lộ 19 mới)	5.000	
11	Đường nối từ đường trục KKT Nhơn Hội đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	11.000	
12	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường Tỉnh lộ ĐT.639 (đoạn từ cầu Thiện Chánh đến Quốc lộ 1)	5.193	
13	Đường vào Ga Diêu Trì	10.709	
14	Mở rộng đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cổng sân bay Phù Cát)	117.076	
15	Cầu kết nối từ Trung tâm hành chính xã An Trung đến xã An Dũng mới, huyện An Lão	24.685	
16	Tuyến đường trung tâm lõi đô thị thuộc Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội	34.849	
17	Tuyến đường ra Cảng Nhơn Hội, Khu kinh tế Nhơn Hội	4.643	
18	Tuyến đường trục Khu kinh tế nối dài từ Km0+00 đến Vịnh Mai Hương	49.042	
19	Đường trục Khu kinh tế nối dài, đoạn Km4+00 - km18+500	91.455	
20	Tuyến đường trục Đông - Tây kết nối với tuyến đường phía Tây tỉnh (ĐT 638) đoạn Km137+580 - Km143+787	135.996	
21	Xây dựng cầu vào trụ sở mới Trung tâm Đăng kiểm phương tiện thủy, bộ Bình Định	29.000	
22	Nâng cấp mở rộng đường ĐT.630 kết nối trung tâm huyện Hoài Ân với thị xã Hoài Nhơn (qua cầu Phú Vãn)	69.998	
23	Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu Đô thị Diêm Vân	445.199	
24	Tuyến đường liên khu vực kết nối từ tuyến đường đi Nhơn Lý đến khu lõi đô thị	35.333	
25	Sửa chữa nâng cấp tuyến đường Nhơn Hội - Nhơn Hải (đoạn từ Khu du lịch Hải Giang đến nút giao với đường N1)	69.803	
26	Khắc phục sửa chữa, đảm bảo đi lại tuyến đường Canh Thuận - Canh Liên, huyện Vân Canh	7.498	
27	Dự án: Cầu Mỹ Chánh, tại Km 48+15, tuyến ĐT.639 (Quy Nhơn - Tam Quan)	3.715	
28	Nâng cấp, mở rộng đường qua các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia đặc biệt và các di tích văn hóa lịch sử Quốc gia trên địa bàn huyện Tây Sơn (giai đoạn 1)	39.934	
III	HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ, MÔI TRƯỜNG, KHU DÂN CƯ, KHU TĐC, CHỢ, ĐIỆN	230.306	
1	Hệ thống điện chiếu sáng Khu TĐC Nhơn Phước giai đoạn 1	1.240	
2	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	150.800	
3	Dự án hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính các cấp tỉnh Bình Định	7.100	
4	Đầu tư, nâng cấp một số máy móc, trang thiết bị phục vụ quan trắc và phân tích môi trường cho Trung tâm Quan trắc Tài nguyên và Môi trường	1.500	
5	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	69.666	
IV	KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ	5.733	
1	Khu khám phá khoa học và Trạm quan sát thiên văn phổ thông thuộc Tổ hợp không gian khoa học	4.983	
2	Sửa chữa, nâng cấp nhà làm việc của Trung tâm Thông tin - Ứng dụng Khoa học và Công nghệ Bình Định	750	
V	LAO ĐỘNG THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	4.110	
1	Đền thờ các liệt sĩ Sư đoàn 3 Sao vàng tại xã Bình Tân, huyện Tây Sơn (Khu tưởng niệm liệt sĩ Thuận Ninh)	715	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (*)	Ghi chú
2	Sửa chữa Trung tâm Công tác xã hội và Bảo trợ xã hội Bình Định, hạng mục: Nhà ở đối tượng, hệ thống thoát nước, bờ kè	995	
3	Sửa chữa, cải tạo nhà làm việc của Trung tâm nuôi dưỡng người tâm thần Hoài Nhơn	1.200	
4	Sửa chữa, cải tạo Cơ sở Cai nghiện ma túy, phường Bùi Thị Xuân, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định; hạng mục: Nhà ở học viên cai nghiện đối tượng nữ	1.200	
VI	NGÀNH NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	357.399	
1	Trồng cây hoa Anh đào, cây Mai anh đào, cây Phượng tím tại Khu du lịch sinh thái nghỉ dưỡng xã Vĩnh Sơn	4.387	
2	Nạo vét bồi lấp cửa sông Tam Quan	2.597	
3	Dự án Xử lý cấp bách đê, kè sông Kôn	220	
4	Hợp phần Bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án Hồ chứa nước Đồng Mít	106.000	
5	Khu tái định cư Vinh Quang, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước	13.491	
6	Hệ thống tưới, tiêu Tà Loan	13.060	
7	Kè chống sạt lở kết hợp bến cập tàu Cảng cá Tam Quan (giai đoạn 1)	19.185	
8	Đập dâng Lão Tâm, xã Cát Thắng, huyện Phù Cát	39.700	
9	Xử lý sạt lở cấp bách sông Kôn đoạn qua thị xã An Nhơn và sông Cạn, huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định	4.490	
10	Sửa chữa, nâng cấp hồ chứa nước Đồng Đèo 2, xã Mỹ Châu, huyện Phù Mỹ	5.947	
11	Trạm bơm Chà Rang, xã Bình Thuận	9.430	
12	Sửa chữa, nâng cấp hồ Suối Mây, thị trấn Vân Canh	6.482	
13	Bổ sung nguồn nước các nhà máy: Nhơn Tân, Phước Sơn, khu Đông Nam Hoài Nhơn, Đông Nam Phù Cát	1.000	
14	Mở rộng phạm vi cấp nước Vĩnh An - Bình Tường: Xây dựng tuyến ống truyền tải và phân phối nước sạch đến xã Tây Phú từ nhà máy cấp nước Vĩnh An - Bình Tường	2.500	
15	Mở rộng phạm vi cấp nước khu Đông Nam huyện Hoài Nhơn: Xây dựng trạm bơm tăng áp, đường ống dẫn nước, phân phối nước sạch dọc tuyến đường ĐT.639 và các tuyến ống nhánh phân phối (cấp nước 02 thôn: Lâm Trúc 1 và Lâm Trúc 2, xã Hoài Thanh)	4.700	
16	Nâng cấp, mở rộng công trình cấp nước sinh hoạt huyện Phù Cát	64.000	
17	Mở rộng phạm vi cấp nước Tây Giang - Tây Thuận: Xây dựng trạm bơm tăng áp và đường ống phân phối nước sạch cấp nước cho xã Tây Thuận (từ nhà máy nước Tây Giang - Tây Thuận)	2.100	
18	Khắc phục lũ lụt sạt lở Kè chống sạt lở bờ sông An Lão	4.119	
19	Khắc phục lũ lụt sạt lở Kè chống sạt lở bờ sông La Tinh	4.963	
20	Khắc phục lũ lụt sạt lở Kè chống sạt lở bờ sông Kôn	5.926	
21	Khắc phục lũ lụt sạt lở Kè chống sạt lở khu sản xuất tái định cư hồ Đồng Mít, sông An Lão	2.898	
22	Khắc phục lũ lụt sạt lở Khắc phục sạt lở mái kênh và bồi lấp lòng dẫn kênh Văn Phong	1.957	
23	Khắc phục cấp bách tuyến đường từ xã Ân Hào Tây, huyện Hoài Ân đi xã An Hòa, huyện An Lão, kết hợp sử dụng làm đường tránh ngập phía Tây tuyến ĐT.629 trong mùa mưa lũ	7.559	
24	Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở đầm Đề Gi kết hợp giao thông, đoạn từ cầu Ngòi đến cảng Đề Gi, huyện Phù Cát	14.000	
25	Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở sông Kim Sơn, phường Hoài Đức, thị xã Hoài Nhơn	11.000	
26	Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở bờ sông An Lão, huyện An Lão	1.593	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (*)	Ghi chú
27	Xây dựng cấp bách kè chống sạt lở, ngăn lũ sông Lại Giang, đoạn qua khu dân cư Phú An, phường Hoài Hương, thị xã Hoài Nhơn.	4.095	
VII	QLNN - QPAN	309.495	
1	Cải tạo cơ sở thực hành số 20 Trần Thị Kỳ thị xã An Nhơn (CĐT: Trường Cao đẳng Bình Định)	8.500	
2	Nhà làm việc BCH QS cấp xã	29.500	
3	Trạm KSBP Tam Quan – Thuộc Đồn Biên phòng Tam Quan Nam (308)	5.000	
4	Trạm kiểm soát Biên phòng Mỹ Đức thuộc Đồn Biên phòng Mỹ An (312)	4.000	
5	Doanh trại Đại đội trinh sát/BCHQS tỉnh Bình Định (Giai đoạn 2)	21.826	
6	Trạm Kiểm lâm Bắc sông Côn	1.000	
7	Trụ sở làm việc Trạm Kiểm lâm Đồng Le, huyện Tây Sơn	1.260	
8	Cải tạo, sửa chữa nhà làm việc Ban QLDA Giao thông tỉnh Bình Định	1.000	
9	Xây dựng, cải tạo trụ sở làm việc của Sở Tài nguyên và Môi trường	6.410	
10	Doanh trại dBB52/e739	13.024	
11	Đường hầm Sh02-BĐ13	6.350	
12	Trung tâm hội nghị của tỉnh	18.000	
13	Nhà làm việc 2A Trần Phú	35.370	
14	Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Trụ Sở làm việc của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	5.613	
15	Rà phá bom mìn, vật liệu nổ còn sót lại sau chiến tranh trên địa bàn tỉnh BD giai đoạn 2012-2015	22.355	
16	Sửa chữa nhà làm việc 2B Trần Phú	14.892	
17	Trạm kiểm dịch động vật Cù Mông	3.293	
18	Dự án: Cải tạo, sửa chữa Trụ sở làm việc Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh tại số 20 Ngô Thời Nhiệm, thành phố Quy Nhơn	200	
19	Trụ sở làm việc Ban Quản lý Khu Kinh tế tỉnh Bình Định	64.000	
20	Kho lưu trữ chuyên dụng Bình Định	6.000	
21	Trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát Giao thông thuộc Công an tỉnh Bình Định	41.902	
VIII	THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	38.537	
1	Đầu tư nâng cấp hạ tầng kỹ thuật và ứng dụng của mô hình Chính quyền điện tử tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	27.000	
2	Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan Đảng, giai đoạn 2021-2025 (Số hóa tài liệu tại lưu trữ lịch sử đảng của Tỉnh ủy Bình Định)	11.537	
IX	VĂN HÓA VÀ THỂ THAO	74.452	
1	Xây dựng mới Nhà hát nghệ thuật truyền thống tỉnh Bình Định	716	
2	Nâng cấp, sửa chữa nhà thi đấu thể thao tỉnh	129	
3	Xây dựng mái che của bể bơi tại Trung tâm hoạt động Thanh thiếu nhi tỉnh Bình Định	3.442	
4	Các bia di tích được xếp hạng (Các bia di tích đã được xếp hạng và các địa danh là nhà tù hoặc được coi là nhà tù của địch trên địa bàn tỉnh)	834	
5	Hạng mục Trồng cây xanh, trồng cây bông giấy và các hạng mục HTKT thuộc Đền tế trời đất (Đài Kính thiên)	1.349	
6	Tác phẩm tượng nghệ thuật nhạc sĩ Trịnh Công Sơn	130	
7	Đền thờ anh hùng dân tộc Nguyễn Trung Trực	6.483	
8	Xây dựng, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích tại tháp Bánh Ít	25.632	
9	Cải tạo, sửa chữa bể bơi lớn (bể bơi huấn luyện và thi đấu) tại Trung tâm Huấn luyện và Thi đấu thể thao tỉnh	1.411	
10	Khu di tích mộ Võ Xán	1.200	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (*)	Ghi chú
11	Xây dựng Đền thờ Võ Văn Dũng	14.990	
12	Sửa chữa Sân Vận động Quy Nhơn	18.136	
X	Y TẾ	108.322	
1	Sửa chữa, cải tạo Khoa sản và Khoa nhi sơ sinh thuộc BVĐK tỉnh Bình Định	8.835	
2	Cải tạo, xây dựng hành lang cầu nối kết nối toàn bộ các khoa, phòng và cải tạo cảnh quan sân vườn, đường nội bộ trong khuôn viên BVĐK tỉnh Bình Định	10.484	
3	Hệ thống thoát nước mưa và Đầu nối hệ thống thoát nước thải sau xử lý của BVĐK tỉnh	11.999	
4	Mở rộng Trung tâm Y tế huyện Hoài Nhơn - Khu điều trị bệnh nhân và các hạng mục phụ trợ	7.812	
5	Trung tâm Y tế thành phố Quy Nhơn - Nhà Điều trị 251 giường - Hệ thống khí y tế	7.025	
6	Bệnh viện Đa khoa khu vực Bồng Sơn, hạng mục Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp khoa phụ sản, khoa nhi, khoa xét nghiệm cũ thành đơn nguyên cấp cứu nhi và nhi sơ sinh; Sửa chữa, cải tạo, nâng cấp khoa hồi sức cấp cứu thành khu hồi tỉnh sau mổ và hành lang chính	4.391	
7	Trung tâm Y tế huyện Hoài Ân	9.966	
8	Trung tâm Y tế huyện Vân Canh; hạng mục: Sửa chữa, cải tạo nâng cấp Nhà điều trị Nội nhi và nhà xét nghiệm + X Quang	4.439	
9	Cải tạo, sửa chữa Nhà Mổ thuộc Khoa Phẫu thuật – Gây mê hồi sức thuộc dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định	11.822	
10	Bệnh viện Lao và bệnh phổi Bình Định; Hạng mục: Cải tạo khoa Lao, khoa bệnh Phổi, khoa Chẩn đoán hình ảnh - xét nghiệm	9.770	
11	Dự án Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Định; hạng mục: khu điều trị và chẩn đoán hình ảnh, thăm dò chức năng	12.963	
12	Mở rộng Bệnh viện mắt Bình Định	4.389	
13	Dự án: Sửa chữa nhà làm việc, mua sắm trang thiết bị phục vụ khám chữa bệnh tại Khoa Nội trung cao và Phòng Khám trung cao thuộc Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Định	4.427	
C.2.8.2	DANH MỤC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI TRONG THỜI GIAN TỚI	1.624.025	Chi tiết tại Phụ lục 05
D	BỘI CHI NGÂN SÁCH	532.500	
E	NGUỒN TIỀN BÁN NHÀ THUỘC SỞ HỮU NHÀ NƯỚC	21.900	
1	Nhà làm việc Sở Tư pháp	21.900	
G	NGUỒN VỐN KHÁC CỦA NGÂN SÁCH TỈNH	55.699	
1	Dự án Mở rộng, nâng cấp Bảo tàng Quang Trung	55.699	
	Trong đó:		
1.1	- Hạng mục: Mở rộng, cải tạo, nâng cấp Nhà trưng bày Bảo tàng (Nâng cấp Bảo tàng Quang Trung); Cải tạo, nâng cấp Nhà tiếp khách; Cải tạo nâng cấp Nhà làm việc	6.500	
1.2	- Căn tin, bán hàng lưu niệm và Kè cảnh quan đập tràn mương Văn phong	3.500	
1.3	- Hạng mục San nền, tường chắn đất (phần mở rộng phía sau BTQT)- Phần tư vấn kiểm toán	38	
1.4	- Hạng mục: Nội thất, trưng bày và bài trí thờ tự tại Khu Đền thờ Tây Sơn Tam Kiệt (tạo hình và xếp đặt, trang trí không gian thờ tự)	18.419	
1.5	- Hạng mục: Tư vấn thiết kế Bản vẽ thi công phần xây lắp Khu Đền thờ Tây Sơn Tam Kiệt (phần việc do Sở VH TT làm chủ đầu tư)	1.192	
1.6	- Khu Đền thờ Tây Sơn Tam Kiệt	12.550	

mh

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (*)	Ghi chú
1.7	- Đầu tư cơ sở hạ tầng khu C và phục dựng cảnh quan Bến Trường Trầu tại Bảo tàng Quang Trung	13.500	
H	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỪ CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, NGUỒN THOẢI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP	4.500.000	
I	BỔ TRÍ CHO CHƯƠNG TRÌNH BÊ TÔNG XI MĂNG GIAO THÔNG NÔNG THÔN VÀ KIẾN CỐ HÓA KÊNH MƯƠNG	200.000	
II	DỰ ÁN ĐÃ ĐƯỢC BỔ TRÍ VỐN THỰC HIỆN	2.321.500	
1	Hạ tầng kỹ thuật Phân khu số 5 Khu đô thị mới Nhơn Hội	70.000	
2	Hạ tầng kỹ thuật Phân khu số 8 Khu đô thị mới Nhơn Hội	10.000	
3	Cải tạo, nâng cấp tuyến đường Trần Nhân Tông, thành phố Quy Nhơn (đoạn từ khu dân cư phía Đông Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng đến hết Cầu số 2 qua sông Hà Thanh)	90.000	
4	Khu dân cư dọc tuyến đường nối từ Đường trục KKT đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	78.500	
5	Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh	141.000	
6	Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn Đề Gi - Mỹ Thành	200.000	
7	Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và GPMB Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	40.000	
8	Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	400.000	
9	Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn	494.000	
10	Khu vực 01, Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	250.000	
11	Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở, dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nổi dài	180.000	
12	Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới) xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (giai đoạn 1)	129.000	
13	Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Hội	170.000	
14	Khu tái định cư Nhơn Phước mở rộng về phía Bắc	24.000	
15	Sửa chữa, nâng cấp Khu tái định cư Cát Tiến (Khu 2)	45.000	
III	DANH MỤC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI TRONG THỜI GIAN TỚI	1.978.500	Chi tiết tại Phụ lục 05
I	NGUỒN HOÀN TRẢ NGÂN SÁCH TỈNH KINH PHÍ BỒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CỦA DỰ ÁN TUYẾN ĐƯỜNG QUỐC LỘ 19 (ĐOẠN TỪ CẢNG QUY NHƠN ĐẾN GIAO QUỐC LỘ 1)	317.747	
1	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến - Đề Gi	317.747	

Ghi chú:

(*) Không phân biệt nguồn vốn.

(**) Giao UBND tỉnh thỏa thuận với Thường trực HĐND tỉnh phân bổ cụ thể.

mha

10-10-10

10-10-10

10-10-10

10-10-10

10-10-10

10-10-10

10-10-10

10-10-10

10-10-10

10-10-10

10-10-10

10-10-10

10-10-10

10-10-10

10-10-10

10-10-10

10-10-10

10-10-10

10-10-10

10-10-10

10-10-10

10-10-10

10-10-10



10-10-10

**KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI
GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

(Kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (*)	Ghi chú
	TỔNG SỐ	4.851.172	
A	NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ TẬP TRUNG	1.159.225	
I	BỐ TRÍ CÁC DỰ ÁN CẤP BÁCH, QUAN TRỌNG CỦA TỈNH VÀ CẤP HUYỆN	900.000	
II	BỐ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH TUYẾN TỈNH	259.225	
1	Trụ sở làm việc của Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	75.000	
2	Trụ sở làm việc Sở Kế hoạch và Đầu tư	25.000	
3	Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc của Sở Nội vụ	6.000	
4	Nhà làm việc Liên minh hợp tác xã tỉnh	7.000	
5	Xây dựng mới Trường THPT để giảm tải Trường THPT Hùng Vương	40.000	
6	Cải tạo hệ thống điện của BVĐK tỉnh Bình Định	14.800	
7	Trạm nghiên cứu thực nghiệm khoa học và công nghệ thuộc Trung tâm Thông tin - Ứng dụng khoa học và công nghệ Bình Định, tại Phước An, Tuy Phước, Bình Định; HM: Nhà nuôi trồng nấm ăn, nấm dược liệu; cải tạo NC trạm biến áp và đường dây trung, hạ thế	8.000	
8	Xây dựng, sửa chữa Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp Bình Định	12.000	
9	Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	71.425	
B	VỐN XÓ SỔ KIẾN THIẾT	89.422	
I	BỐ TRÍ CÁC CÔNG TRÌNH TUYẾN TỈNH	89.422	
1	Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	89.422	
C	VỐN CẤP QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT	1.624.025	
C.1	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI CÓ SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG GIAI ĐOẠN 2021-2025	1.400.000	
1	Đường ven biển tỉnh Bình Định đoạn Cát Tiến - Diêm Vân	300.000	
2	Tuyến đường kết nối từ trung tâm thị xã An Nhơn đến đường ven biển phía Tây đầm Thị Nại	230.000	
3	Tuyến đường kết nối với đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn thị xã Hoài Nhơn	140.000	
4	Tuyến đường kết nối từ đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đến đường ven biển (ĐT.639) trên địa bàn huyện Phù Mỹ	140.000	
5	Xây dựng tuyến đường tránh phía nam thị trấn Phú Phong	190.000	
6	Xây dựng tuyến Đường ven biển (ĐT.639) đoạn từ Quốc lộ 1D -Quốc lộ 19 mới	190.000	

mnh

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (*)	Ghi chú
7	Đập dâng Phú Phong, huyện Tây Sơn	120.000	
8	Xây dựng cơ sở hạ tầng cảng cá Tam Quan, thị xã Hoài Nhơn	30.000	
9	Đập dâng Hà Thanh 1, huyện Vân Canh	10.000	
10	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn (phần mở rộng)	40.000	
11	Đầu tư, xây dựng các Trường THPT được di chuyển, sắp xếp lại theo quy hoạch giai đoạn 2021-2025 (HM: Trường THPT Nguyễn Hữu Quang, Trường THPT Phan Bội Châu)	10.000	
C.2	CÁC DỰ ÁN KHỞI CÔNG MỚI CẤP THIẾT CẦN TRIỂN KHAI TRONG THỜI GIAN ĐẾN	224.025	
1	Tuyến đường từ Khu dân cư kết nối lên cột cờ và Hải đăng phục vụ du lịch kết hợp quốc phòng, an ninh trên đảo Cù Lao Xanh	5.200	
2	Hoàn trả tuyến đường từ nghĩa trang liệt sỹ An Hòa đến công trình hồ chứa nước Đồng Mít	18.000	
3	Hệ thống kênh tưới hồ Đồng Mít	39.000	
4	Nâng cấp mở rộng bệnh viện Đa khoa tỉnh (xây dựng mới đơn nguyên)	74.758	
5	Trạm Kiểm soát Biên phòng Cát Tiến	5.000	
6	Trạm Kiểm soát Biên phòng Mũi Tấn	5.000	
7	Sửa chữa, tu bổ, khắc phục xuống cấp cơ sở hạ tầng tại di tích Tháp Dương Long và di tích Tháp Cánh Tiên	2.100	
8	Chống xuống cấp, tu bổ và phát huy giá trị di tích Quốc gia Tháp Thủ Thiện	5.967	
9	Đầu tư tiềm lực cho Trung tâm Phân tích và Đo lường Chất lượng giai đoạn 2021 - 2025 Trong đó: Hạng mục: Xây dựng nhà làm việc (vốn đầu tư phát triển)	16.000	
10	Bệnh viện đa khoa khu vực Bồng Sơn, hạng mục Khoa Truyền nhiễm	13.000	
11	Cải tạo, sửa chữa khu nhà hành chính, tường rào cổng ngõ của Bệnh viện đa khoa tỉnh	11.000	
12	Trường Chính trị tỉnh (Khu Hiệu bộ, Trang thiết bị, Hội trường tầng 3, khu nội trú, sân trường, cột cờ, bảng điện...)	11.500	
13	Dự án Đường tuần tra bảo vệ rừng Khu di tích thành đá Tà Kôn và Đường vào suối Tà Má	17.500	
D	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT TỪ CÁC DỰ ÁN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, NGUỒN THOÁI VỐN NHÀ NƯỚC TẠI CÁC DOANH NGHIỆP	1.978.500	
1	Đối ứng dự án ODA		
	- Dự án Phát triển tích hợp thích ứng - tỉnh Bình Định	833.000	
2	Đường phía Tây huyện Vân Canh (từ Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex Bình Định đến Thị trấn Vân Canh)	100.000	
3	Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn	70.500	

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 (*)	Ghi chú
4	Tuyến đường tránh ĐT.633, đoạn từ Núi Ghềnh đến giáp đường ven biển (ĐT.639)	100.000	
5	Xây dựng cầu từ thôn 11 xã Mỹ Thắng đi xã Mỹ Đức, huyện Phù Mỹ	35.000	
6	Sửa chữa, mở rộng cầu Phụ Ngọc	35.000	
7	Nâng cao độ nền mặt đường tuyến ĐT 640 đoạn Km 18+178 - Km 19+231	40.000	
8	Nâng cấp mở rộng tuyến đường ĐT 636, đoạn qua xã Phước Hòa, Phước Hưng thuộc địa bàn huyện Tuy Phước	36.000	
9	Tuyến đường dẫn ra cảng tổng hợp Khu kinh tế Nhơn Hội	80.000	
10	Doanh trại Ban CHQS thị xã Hoài Nhơn	20.000	
11	Cơ sở Huấn luyện Dự bị động viên tỉnh Bình Định	30.300	
12	Doanh trại Đại đội Kho K6/Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh Bình Định	10.000	
13	Cải tạo, sửa chữa Bìa lưu niệm nơi thành lập LLVT tỉnh	1.600	
14	Hạ tầng kỹ thuật Khu Cải táng thuộc Nghĩa trang nhân dân huyện Tuy Phước	24.000	
15	Cầu Thị Nại 2	100.000	
16	Nhà làm việc khối an ninh, xây dựng lực lượng và Hội trường thuộc Công an tỉnh Bình Định.	48.000	
17	Xây dựng trụ sở làm việc phục vụ công tác cho Công an các xã trên địa bàn tỉnh Bình Định giai đoạn 2021-2025	50.000	
18	Sửa chữa, nâng cấp các hồ, đập xuống cấp	100.000	
19	Xây dựng Đài tưởng niệm anh hùng liệt sĩ tỉnh Bình Định	20.000	
20	Sửa chữa, cải tạo Nhà làm việc P.Tham mưu, Làm sa bàn, Nhà huấn luyện A2, Hạ tầng kỹ thuật Bộ CHQS tỉnh	9.000	
21	Phục dựng cảnh quan giả sơn kết nối với cảnh quan Bảo tàng Quang Trung	20000	
22	Bảo tàng tỉnh Bình Định	80.000	
23	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Quốc gia đặc biệt cụm tháp Dương Long	24.000	
24	Đường kết nối thị trấn An Lão với đường An Hòa đi Ân Hào Tây	22.000	
25	Chợ đầu mối nông sản thị xã Hoài Nhơn (giai đoạn 1)	18.500	
26	Chợ đầu mối nông sản thị xã An Nhơn (giai đoạn 1)	18.600	
27	Hải đội dân quân thường trực	20.000	
28	Công trình: Sh03-BĐ2021	10.000	
29	Bệnh viện Lao và bệnh phổi Bình Định	15.000	
30	Bệnh viện Tâm thần Bình Định	8.000	

Ghi chú: (*) Không phân biệt nguồn vốn.

mubon

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500

1000-1500



1000-1500

Phụ lục 06

DANH MỤC CÁC CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG ĐỂ PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT; CÁC KHU TÁI ĐỊNH CƯ, HỖ TRỢ, BÒI THƯỜNG, GIẢI PHÓNG MẶT BẰNG CÁC DỰ ÁN CỦA TỈNH GIAI ĐOẠN 2021-2025

(Kèm theo Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 27/7/2021 của HĐND tỉnh)

STT	Danh mục	Ghi chú
1	Khu dân cư An Quang Tây tại xã Cát Khánh, huyện Phù Cát	
2	Đầu tư xây dựng HTKT Khu tái định cư HH1, HH2 tại KV1 phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	
3	Hệ thống HTKT Khu dân cư tại dải cây xanh Khu tái định cư phục vụ dự án xây dựng Khu đô thị - Thương mại phía bắc sông Hà Thanh, TPQuy Nhơn	
4	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất dọc đường hoa lư nổi dài	
5	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư phía Đông chợ Dinh mới. Phường Nhơn Bình	
6	Hạ tầng kỹ thuật khu đô thị Long Vân	
7	Hạ tầng kỹ thuật Khu Đô mới Long Vân (khu A 2) Phường Trần Quang Diệu, thành Phố Quy Nhơn	
8	Khu dân cư phía Tây đường Trần Nhân Tông, khu vực 7-8, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	
9	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất xí nghiệp Song mây xuất khẩu, phân viện điều tra quy hoạch rừng Nam Trung bộ và Tây Nguyên	
10	Bồi thường, hỗ trợ cho Bộ tư lệnh Quân khu 5 để chuyển giao khu đất 655, P. Nguyễn Văn Cừ	
11	Hạ tầng kỹ thuật dự án đầu tư các tuyến đường kết nối vào Nhà ở xã hội Phường Nhơn Bình	
12	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất phía Bắc khu Nhà ở xã hội Nhơn Bình, Phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	
13	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất xung quanh Trường Cao đẳng Bình Định, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	
14	Hạ tầng kỹ thuật khu Tái định cư 01 thuộc Khu Đô thị - Du lịch - Văn hóa - Thể thao Hồ Phú Hòa	
15	Dự án Hạ tầng kỹ thuật khu Tái định cư 02 thuộc Khu Đô thị - Du lịch - Văn hóa - Thể thao Hồ Phú Hòa	
16	Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc QL1D	
17	Đường trục Khu kinh tế nổi dài (đoạn Km4+00-Km18+500)	
18	Khu dân cư tại khu vực 4, phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	
19	Khu TĐC phục vụ dự án Đường phía Tây tỉnh ĐT.638 và các dự án trên địa bàn xã Canh Vinh, huyện Vân Canh (giai đoạn 1)	
20	Hạ tầng kỹ thuật tại Khu đất Trung tâm đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải bình Định và các khu vực liên kề, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 01)	

STT	Danh mục	Ghi chú
21	Đầu tư hạ tầng Khu đất xã Phước Lộc (giai đoạn 1) phục vụ bố trí TĐC Trung tâm đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải	
22	Đầu tư hạ tầng Khu đất xã Phước Lộc (giai đoạn 2) phục vụ bố trí TĐC Trung tâm đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải	
23	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Cát Tiến đến Đề Gi	
24	Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới), xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước (giai đoạn 1)	
25	Khu vực 1 Khu dân cư dọc Quốc lộ 19 (mới), xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	
26	Hạ tầng kỹ thuật khu đất ở dịch vụ thương mại tại Km0+280, đường trục Khu kinh tế nổi dài	
27	Khu dân cư thấp tầng tại xã Phước Lộc, huyện Tuy Phước	
28	Hạ tầng kỹ thuật tại Khu đất Trung tâm đào tạo nghiệp vụ giao thông vận tải bình Định và các khu vực liên kề, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn (giai đoạn 2)	
29	Khu TĐC phía Bắc Công Viên khoa học, thuộc Khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	
30	Đường vào Ga Diêu Trì	
31	Điểm tái định cư dọc Quốc lộ 1, phường Bùi Thị Xuân phục vụ dự án Đường phía Tây tỉnh (ĐT.638) đoạn Km130+00-Km137+580	
32	Khu Công nghiệp, Đô thị và Dịch vụ Becamex Bình Định (Khu A; Khu cải táng phục vụ dự án Becamex Bình Định)	
33	Khu dân cư tại cụm kho bãi dọc Quốc lộ 1D	
34	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư tại Khu vực 6, phường Nhơn Phú, thành phố Quy Nhơn	
35	Khu tái định cư mở rộng phía Tây Bắc khu tái định cư Quy Hòa, khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	
36	Đường nối từ đường trục KKT Nhơn Hội đến Khu tâm linh chùa Linh Phong	
37	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất thuộc dải cây xanh đường Nguyễn Trọng Trì, thuộc khu dân cư phía Đông đường Điện Biên Phủ, thành phố Quy Nhơn	
38	Hạ tầng kỹ thuật Khu đô thị mới Long Vân (khu A2) phường Trần Quang Diệu, thành phố Quy Nhơn	
39	Dự án xây dựng HTKT khu đất dọc đường Cầu Hoa Lư nổi dài, phường Đống Đa, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	
40	Khu dân cư tại mặt bằng Công ty 508	
41	Khu tái định cư phục vụ dự án xây dựng khu Đô thị - Thương mại phía Bắc sông Hà Thanh	
42	Hạ tầng kỹ thuật khu vực Trung đoàn Vận tải 655	
43	Hạ tầng kỹ thuật Khu dân cư HH1 & HH2	
44	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất thu hồi của Chi nhánh Công ty cổ phần Muối và Thương mại Miền Trung	

mubien

STT	Danh mục	Ghi chú
45	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư tại dải cây xanh Khu TĐC phục vụ đầu tư xây dựng Khu Đô thị - Thương mại phía Bắc sông Hà Thanh	
46	Hạ tầng kỹ thuật Khu đất của Công ty Cổ phần giống lâm nghiệp Nam Trung bộ, khu đất Công ty Công viên cây xanh và chiếu sáng đô thị và khu đất trống liền kề quốc lộ 1D để bố trí Đại đội Trinh sát - Bộ chỉ huy quân sự tỉnh	
47	Đường vành đai khu Trung tâm phần mềm và Công viên khoa học thuộc khu Thung lũng Sáng tạo Quy Nhơn tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn	
48	Khu công nghệ phần mềm của Công ty TMA Solutions tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn	
49	Khu Công viên khoa học thuộc Khu thung lũng Sáng tạo Quy Nhơn, tại khu vực 2, phường Ghềnh Ráng, TP. Quy Nhơn	
50	Đường trục Khu kinh tế nổi dài (giai đoạn 1)	
51	Ban Giải phóng mặt bằng tỉnh thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ GPMB cho các dự án trọng điểm của tỉnh	
52	Dự án xây dựng doanh trại Đại đội trinh sát, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	
53	Dự án xây dựng cấp bách kè chống sạt lở và cải tạo, nâng cấp hệ thống tiêu úng, thoát lũ chống ngập úng hạ lưu sông Hà Thanh	
54	Trụ sở làm việc Công an huyện Hoài Nhơn thuộc Công an tỉnh Bình Định	
55	Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội (Khu phía Tây đường trục Khu kinh tế) thuộc dự án Bồi thường, GPMB các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội	
56	Ban Quản lý Khu kinh tế thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ GPMB cho các dự án trong Khu kinh tế Nhơn Hội	
57	Hỗ trợ chuyển đổi nghề và tạo việc làm Dự án Khu Công nghiệp Nhơn Hội (Khu A)	
58	Công ty CP in và Bao bì Bình Định	
59	Khu đất Trung tâm Đào tạo nghề của Trường cao đẳng nghề số 5, phường Nguyễn Văn Cừ	
60	Mở rộng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Quy Nhơn	
61	Bồi thường hỗ trợ tài sản bị thiệt hại do GPMB Khu đất Xí nghiệp Thực phẩm Quy Nhơn	
62	Bồi thường hỗ trợ tài sản bị thiệt hại do GPMB Công ty Cổ phần Dầu thực vật Bình Định	
63	Bồi thường hỗ trợ tài sản bị thiệt hại do GPMB Công ty TNHH Hòa Bình	
64	Dự án xây dựng Khu dân cư phía Đông đường Điện Biên Phủ, phường Quang Trung, thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	
65	Mở rộng đường vào sân bay Phù Cát (đoạn từ Quốc lộ 1 đến cổng sân bay Phù Cát)	
66	Đường ven biển (ĐT.639), đoạn Đề Gi - Mỹ Thành	



STT	Danh mục	Ghi chú
67	Tuyến đường ven biển (ĐT.639), đoạn từ cầu Lại Giang đến cầu Thiện Chánh	
68	Hạ tầng kỹ thuật Phân khu số 05 và số 08 (giai đoạn 2), thuộc dự án Khu đô thị du lịch sinh thái Nhơn Hội	
69	Đầu tư hạ tầng khu đất tại xã Phước Lộc (giai đoạn 2) phục vụ bố trí các cơ sở di dời khỏi thành phố Quy Nhơn	
70	Khu cải táng Quy Hòa, khu vực 2 phường Ghềnh Ráng, thành phố Quy Nhơn	
71	Khu tái định cư Vinh Quang, xã Phước Sơn, huyện Tuy Phước	
72	Khu nhà ở xã hội phường Nhơn Bình, thành phố Quy Nhơn	
73	Khu tái định cư phía Đông chùa Bình An	
74	Dự án Đầu tư xây dựng và Kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Phú Tài	
75	Đền thờ các liệt sĩ Sư đoàn 3 Sao Vàng tại xã Bình Tân, huyện Tây Sơn (Khu tưởng niệm Liệt sĩ Thuận Ninh)	
76	Khu dân cư và tái định cư Vĩnh Hội	
77	Đường Điện Biên Phủ nối dài đến Khu Đô thị Diêm Vân	
78	Quỹ đất dọc đường trục KKT nối dài (điểm số 1), xã Cát Tân, huyện Phù Cát	
79	Khu dịch vụ thương mại 03, 04 thuộc Khu đô thị cửa ngõ Cát Tiến	
80	Công trình khu đất ở phía Nam đường trục KKT nối dài tại lý trình Km2+400	
81	Công trình khu thương mại dịch vụ 05 thuộc điểm số 3 quỹ đất dọc đường trục KKT nối dài.	
82	Tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị di tích Lê Đại Càng	
83	Trụ sở làm việc Phòng Cảnh sát giao thông thuộc Công an tỉnh Bình Định	
84	Xây dựng kè, nạo vét lòng sông đoạn trước kè và giải phóng mặt bằng Khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	
85	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư Quảng Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	
86	Xây dựng kè và giải phóng mặt bằng khu tái định cư và khu dân cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	
87	Xây dựng hạ tầng khu tái định cư thuộc Khu đô thị và du lịch sinh thái Diêm Vân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước	
88	Cải tạo hệ thống tiêu thoát lũ và kết nối giao thông hai bờ Suối Trầu Khu đô thị Long Vân, thành phố Quy Nhơn	
89	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư 01 thuộc khu Đô thị - Du lịch - Văn hóa - Thể thao hồ Phú Hòa, thành phố Quy Nhơn	
90	Hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư 02 thuộc khu Đô thị - Du lịch - Văn hóa - Thể thao hồ Phú Hòa, thành phố Quy Nhơn	

STT	Danh mục	Ghi chú
91	Khu tái định cư Nhơn Phước mở rộng về phía Bắc	
92	Nâng cấp mở rộng tuyến Quốc lộ 19C, đoạn Km27+100 - Km29+100 (Trung tâm thị trấn Vân Canh)	
93	Hệ thống tiêu thoát lũ sông Dinh, thành phố Quy Nhơn	
94	Doanh trại Đại đội Cảnh sát cơ động thuộc Công an tỉnh Bình Định	
95	Sửa chữa, nâng cấp Khu tái định cư Cát Tiến (Khu 2)	
96	Khu neo đậu tránh trú bão đầm Đề Gi	
97	Hệ thống thủy lợi Tân An - Đập Đá	

mluon



